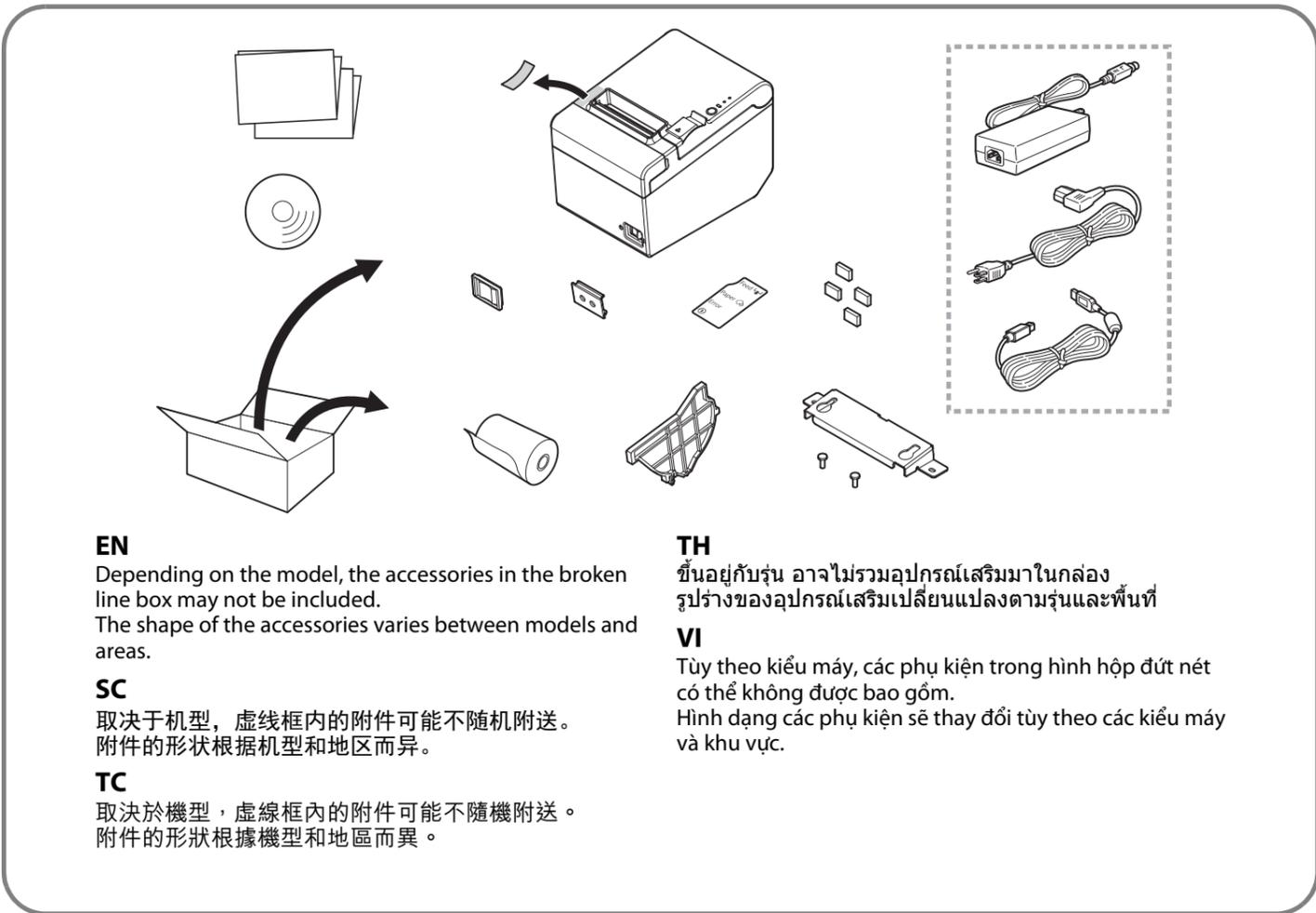


EN	<b>Start Here</b>	For detailed information on operation and safe use of the product, refer to the other manuals included with the product.
SC	<b>入门说明</b>	关于产品操作和安全使用的详细信息，请参照产品中随附的其他手册。
TC	<b>入門說明</b>	有關操作的詳細信息以及產品安全使用注意事項，請參照產品附帶的其他手冊。
TH	<b>เริ่มที่นี่</b>	สำหรับข้อมูลละเอียดเกี่ยวกับการทำงานและการใช้งานอย่างปลอดภัยของผลิตภัณฑ์ โปรดดูคู่มืออื่นๆที่หามากับผลิตภัณฑ์
VI	<b>Khởi động tại đây</b>	Để biết thêm thông tin chi tiết về vận hành và cách sử dụng an toàn sản phẩm, vui lòng xem các sách hướng dẫn khác có trong sản phẩm.



**EN**  
Depending on the model, the accessories in the broken line box may not be included. The shape of the accessories varies between models and areas.

**SC**  
取决于机型，虚线框内的附件可能不随机附送。附件的形状根据机型和地区而异。

**TC**  
取決於機型，虛線框內的附件可能不隨機附送。附件的形狀根據機型和地區而異。

**TH**  
ขึ้นอยู่กับรุ่น อาจไม่รวมอุปกรณ์เสริมมาในกล่องรูปร่างของอุปกรณ์เสริมเปลี่ยนแปลงตามรุ่นและพื้นที่

**VI**  
Tùy theo kiểu máy, các phụ kiện trong hình hộp đứt nét có thể không được bao gồm. Hình dạng các phụ kiện sẽ thay đổi tùy theo các kiểu máy và khu vực.

## Standards and Approvals

The following standards are applied only to the products that are so labeled. (EMC is tested using the Epson power supplies.)  
Oceania: Radiocommunications (Electromagnetic Compatibility) Standard, Class A



Not all models are ENERGY STAR® qualified. Qualified models have the ENERGY STAR mark affixed on the unit.

## For Users in Oceania

### WARNING

This is a Class A product. In a domestic environment this product may cause radio interference in which case the user may be required to take adequate measures.

## 面向中国用户

### 警告

此为A级产品，在生活环境中，该产品可能会造成无线电干扰。在这种情况下，可能需要用户对干扰采取切实可行的措施。

### 产品中有害物质的名称及含量

部件名称	有害物质					
	铅 (Pb)	汞 (Hg)	镉 (Cd)	六价铬 (Cr (VI))	多溴联苯 (PBB)	多溴二苯醚 (PBDE)
印刷电路板 / 电子部件	×	○	○	○	○	○
机械部件	×	○	○	○	○	○
附件	交流适配器	×	○	○	○	○
	接口电缆	×	○	○	○	○

本表格依据 SJ/T11364 的规定编制。  
○：表示该有害物质在该部件所有均质材料中的含量均在 GB/T 26572 规定的限量要求以下。  
×：表示该有害物质至少在该部件的某一均质材料中的含量超出 GB/T 26572 规定的限量要求。  
但这只是因为保证产品性能和功能条件下，现在还没有可替代的材料和技术而被使用。

### 产品环保使用期限的使用条件

在中国销售的电子电气产品的环保使用期限，表示按照本产品的安全使用注意事项使用的情况下，从生产日期开始，在标志的年限内使用，本产品含有的有害物质不会对环境、人身和财产造成严重影响。

如果产品本体上显示了此关于海拔高度安全警告标识 ，其标识含义为：

加贴该标识的设备仅按海拔 2000m 进行安全设计与评估，因此，仅适用于在海拔 2000m 以下安全使用，在海拔 2000m 以上使用时，可能有安全隐患。

如果产品本体上显示了此关于气候条件的安全警告标识 ，其标识含义为：

加贴该标识的设备仅按非热带气候条件进行安全设计与评估，因此，仅适用于在非热带气候条件下安全使用，在热带气候条件下使用时，可能有安全隐患。

## 面向台湾使用者

### 警告

此為甲類資訊技術設備，於居住環境中使用時，可能會造成射頻擾動，在此種情況下，使用者會被要求採取某些適當的對策。

### 電力規格

電源：僅限於指定的 AC 適配器 [AC Adapter, C1 (型號：M235B)]。  
消耗電流 (24 V)：1.5 A

### 警語

檢修印表機之前，請先拔掉印表機的電源線。

### 功能規格

列印方式 熱感式印表機

### 緊急處理方法

發生下列狀況時，請先拔下印表機的電源線並洽詢Epson授權服務中心：  
· 電源線或插頭損壞  
· 有液體噴灑到印表機  
· 印表機摔落或機殼損壞  
· 印表機無法正常操作或是列印品質與原來有明顯落差

### 注意事項

· 只能使用印表機上所註明的電源規格。  
· 請遵守印表機上所有的警示和說明。

製造年份及製造號碼  
生產國別  
製造商  
地址

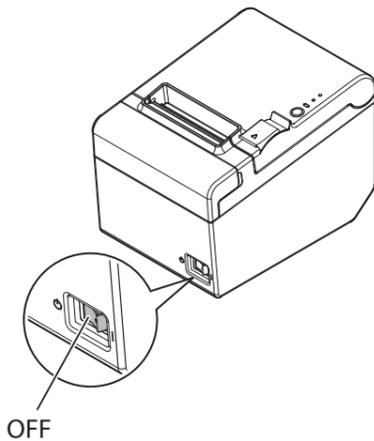
見機體標示  
見機體標示  
SEIKO EPSON CORPORATION  
3-5, Owa 3-chome, Suwa-shi, Nagano-ken  
392-8502, Japan

網站  
電話  
進口商  
地址

http://www.epson.com/  
81-263-52-2552  
台灣愛普生科技股份有限公司  
台北市信義區松仁路 100 號 15 樓  
Taipei City, Taiwan  
(02) 8786-6688 (代表號)

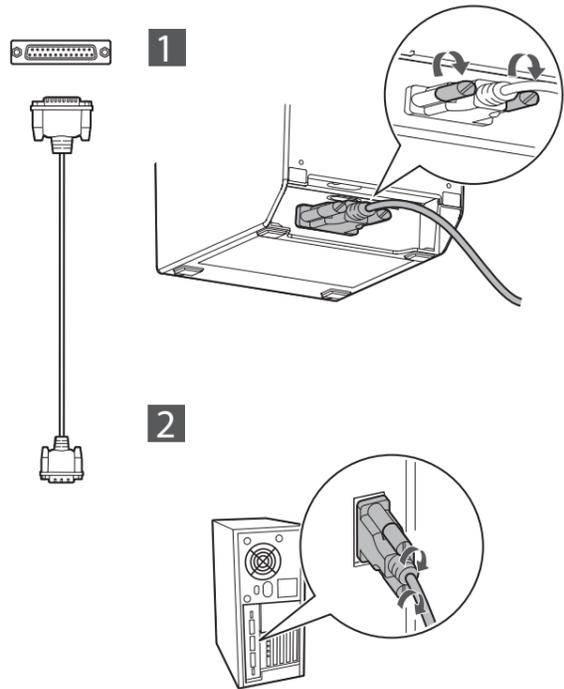
電話

1

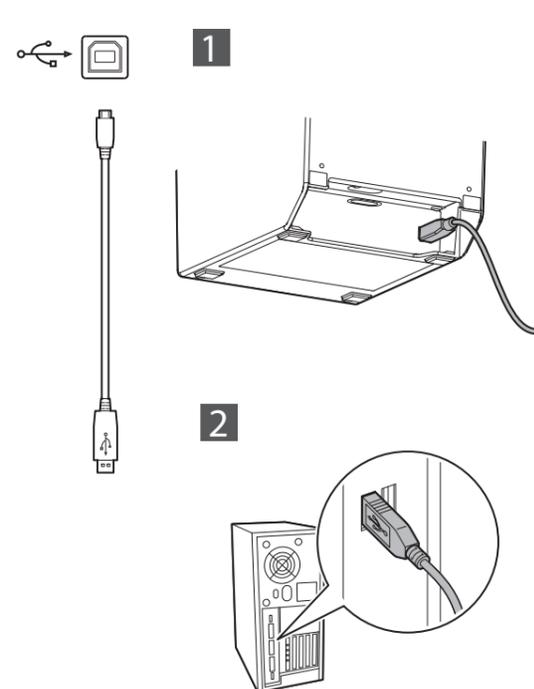


2

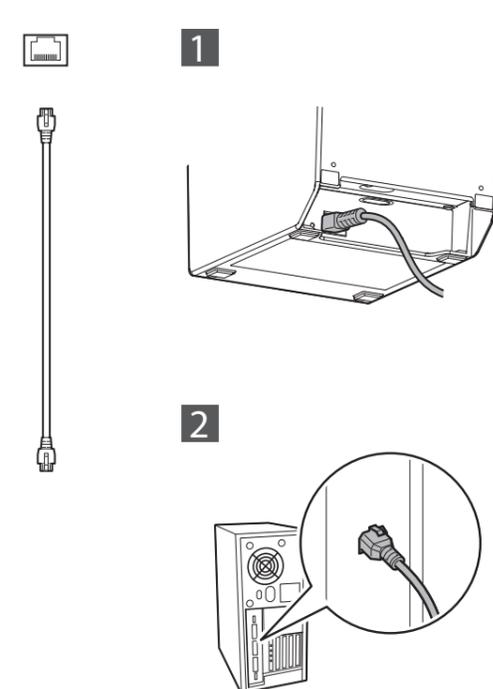
RS-232



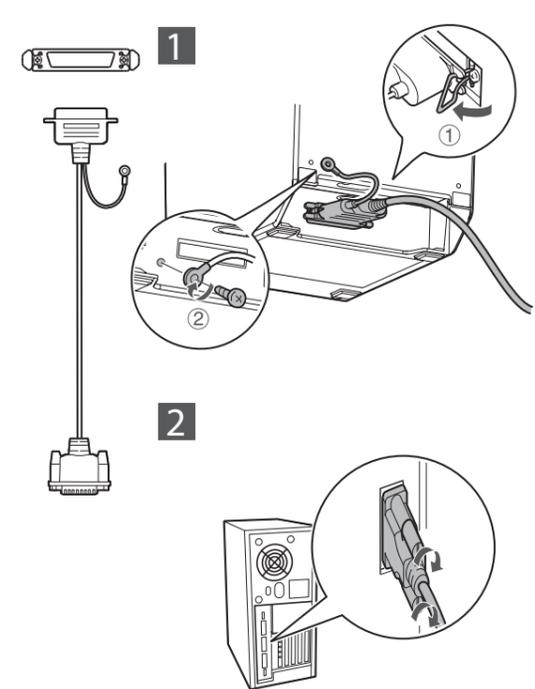
USB



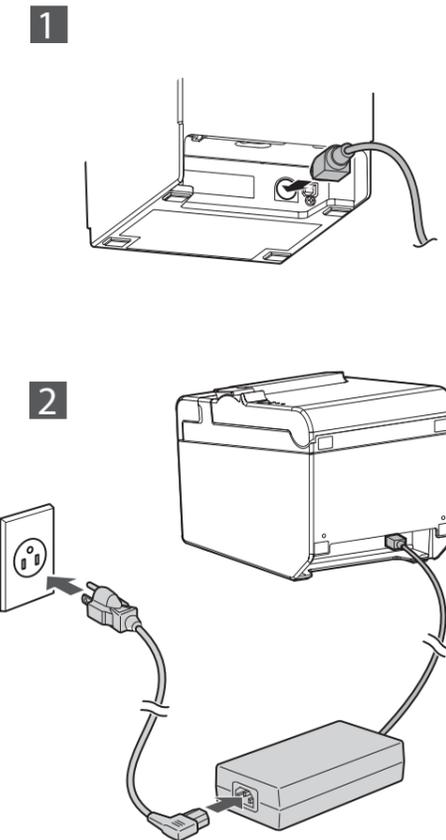
10BASE-T/100BASE-TX



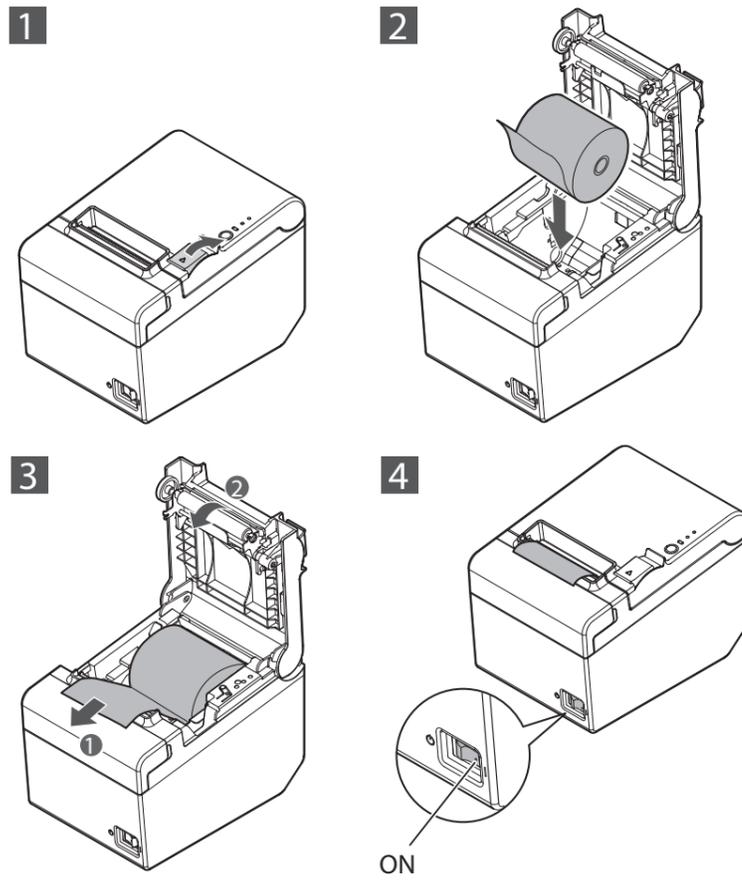
IEEE1284



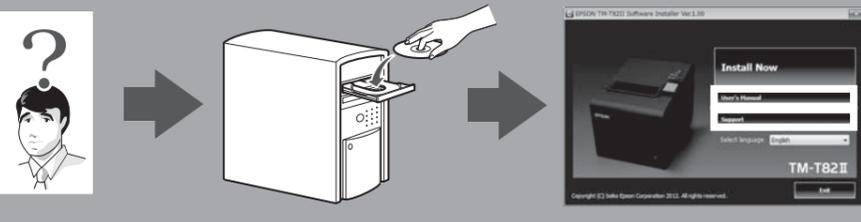
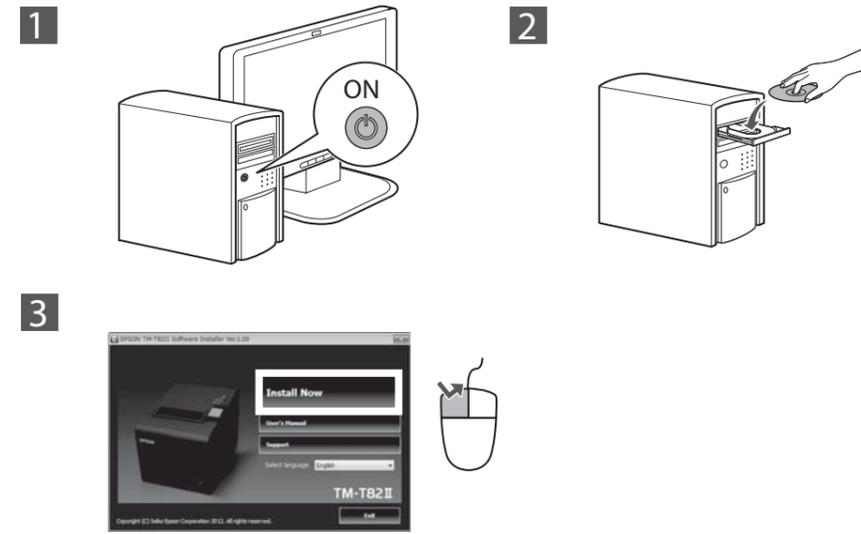
3



4



5



EN  
To use the printer vertically, see the illustrations below for installation.

SC  
要縦置使用打印机，请参考下图进行安置。

TC  
要縦置使用印表機，請參照下圖進行安置。

TH  
การใช้งานเครื่องพิมพ์แบบแนวตั้ง กรุณาดูภาพประกอบด้านล่างสำหรับการติดตั้ง

VI  
Để sử dụng máy in theo chiều đứng, hãy xem hình minh họa dưới đây để lắp đặt.

